

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày 22 - 02 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc S).

Ông Diệp Lâm Kỳ P - Giám đốc Chi nhánh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của bà D (Văn bản ủy quyền số 4047/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018).

Bà Nguyễn Thị Bích T – Chuyên viên quản lý nợ phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Lâm Kỳ P (Văn bản ủy quyền số 201/GUQ-CNCM ngày 22/02/2019). (có mặt)

- Bị đơn: Bà Quách Thị N, sinh năm 1986

Cứ trú tại: Khóm 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2018 của nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 31/3/2018, bà Quách Thị N và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt Ngân hàng) đã ký hợp đồng tín

dụng số LD1808200380 vay vốn tại Ngân hàng số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 43 tháng, lãi suất 02 tháng đầu tiên: 12,3%/năm. Lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau, lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ (theo mẫu của Ngân hàng). Tại thời điểm từ tháng 3, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng quyết định điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất huy động Việt Nam đồng 13 tháng lãi cuối kỳ của Ngân hàng + biên độ 4,7%/năm, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng quy định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Bà Quách Thị N đã ký hợp đồng thế chấp số 6931330.1.2, thế chấp xe ô tô tải, nhãn hiệu JAC, biển kiểm soát số 69C-030.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005443 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/11/2016 cho bà Quách Thị N.

Trong quá trình vay bà Quách Thị Niêm đã trả được 05 kỳ với tổng số tiền phát sinh là 19.989.313 đồng. Trong đó vốn đã trả 13.953.500 đồng, lãi đã trả 6.035.813 đồng.

Ngày 31/3/2018, bà Quách Thị N và Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký hợp đồng tín dụng số LD1809200461 vay vốn tại Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà bên được cấp tín dụng phải trả cho Ngân hàng là 01%/tháng, tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định theo quy định của hợp đồng này. Lãi suất đã được các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau, lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ.

Biện pháp cho vay không có tài sản đảm bảo. Bên được cấp tín dụng đồng ý không hủy ngang vô điều kiện và cho Ngân hàng được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của bên được cấp tín dụng để thu hồi nợ trong trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng tín dụng số LD1809200461 ngày 31/3/2018.

Trong quá trình vay bà Quách Thị N đã trả được 05 kỳ với tổng số tiền phát sinh là 9.469.160 đồng. Trong đó vốn đã trả 6.940.000 đồng, lãi đã trả 2.529.160 đồng.

Ngày 02/10/2018, bà Quách Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hồ sơ khoản vay sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần nhưng bà N vẫn lẩn tránh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như Hợp đồng tín dụng đã ký. Tính đến ngày 22/02/2019 bà N còn nợ Ngân hàng chi tiết sau:

Nợ Hợp đồng vay thế chấp số tiền 111.937.161 đồng, nợ vốn là 106.046.500 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.190.506 đồng, nợ lãi quá hạn là 700.155 đồng;

Nợ Hợp đồng vay tiêu dùng số tiền 45.894.345 đồng, nợ vốn 43.060.000

đồng, lãi trong hạn là 2.500.000 đồng, lãi quá hạn 334.345 đồng

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Quách Thị N trả tổng số tiền đến ngày ngày 22/02/2019 là 157.831.506 đồng. Trong đó nợ gốc là 149.106.500, lãi trong hạn là 7.690.506 đồng, lãi quá hạn 1.034.500 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Quách Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu JAC, biển kiểm soát số 69C-030.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005443 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/11/2016 cho bà Quách Thị N .

Đối với bị đơn bà Quách Thị N : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà N . Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương ngày 21/12/2018, địa phương xác định bà N đã bỏ địa phương đi trên 03 tháng. Do đó, Tòa án không ghi được lời khai của bà N theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng. Bà N vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, trong ngày 31/3/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký các Hợp đồng tín dụng số LD1808200380 cho bà N vay tiền bổ sung vốn kinh doanh 120.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số LD1809200461 cho bà N vay tiền tiêu dùng 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, bà N trả nợ không đúng thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ 157.831.506 đồng. Trong đó nợ gốc là 149.106.500, lãi trong hạn là 7.690.506 đồng, lãi quá hạn 1.034.500 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng LD1808200380 và LD1809200461 ngày 31/3/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo các Hợp đồng tín dụng số LD1808200380; số LD1809200461 ngày 31 tháng 3 năm 2018 và 02 Giấy nhận nợ số 01 ngày 02 tháng 4 năm 2018 bà N có vay và nhận tiền của Ngân hàng tổng số tiền 170.000.000 đồng. Thời hạn vay hợp đồng số LD1808200380 là 43 tháng, lãi suất 02 tháng đầu tiên 12,3%/năm. Tại thời điểm từ tháng 3, lãi suất của toàn bộ dự nợ vay sẽ được Ngân hàng quyết định điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, lãi suất điều

chính bằng lãi suất huy động Việt nam đồng 13 tháng lãi cuối kỳ của Ngân hàng + biên độ 4,7%/năm; Thời hạn vay hợp đồng số LD1809200461 thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 01%/tháng. Các Hợp đồng tín dụng này được hai bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, tuân thủ về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có mọi quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng vay số LD1808200380 được 05 kỳ với tổng số tiền phát sinh là 19.989.313 đồng, trong đó vốn đã trả 13.953.500 đồng, lãi đã trả 6.035.813 đồng và Hợp đồng vay số LD1809200461 được 05 kỳ với tổng số tiền phát sinh là 9.469.160 đồng, trong đó vốn đã trả 6.940.000 đồng, lãi đã trả 2.529.160 đồng.

Kể từ ngày 19/10/2018 bà N không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần, nhưng bà N không thanh toán nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số LD1808200380 và LD1809200461 cùng ngày 31/3/2018, nên bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc bà N phải có nghĩa thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi đến ngày xét xử là 157.831.506 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế xe ô tô con, nhãn hiệu JAC, biển kiểm soát số 69C-030.09 trong trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản số 6931330.1.2 ký và công chứng ngày 31/3/2018 tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Cà Mau, số công chứng 02767, quyền số 01, TP/CC-SCC, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/4/2018 để đảm bảo cho khoản vay giữa Ngân hàng với bà N phù hợp theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện giao dịch bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ theo quy định tại điều 323 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Do đó, bà N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 7.891.500 đồng. (157.831.506 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 323 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 233, khoản 1 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc bà Quách Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm các khoản sau:

Tổng số tiền là 157.831.506 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi một nghìn năm trăm lẻ sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 149.106.500, lãi trong hạn là 7.690.506 đồng, lãi quá hạn 1.034.500 đồng.

2. Xe ô tô tải, nhãn hiệu JAC, biển kiểm soát số 69C-030.09, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005443 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/11/2016 cho bà Quách Thị N theo Hợp đồng thế chấp số 6931330.1.2 là tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bà Quách Thị N.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S có nghĩa vụ chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Tỉnh Cà Mau để xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2019) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng 3.767.000 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0008882 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Quách Thị N phải chịu 7.891.500 đồng (bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng) bà N chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam